

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:49/2017/HNGĐ-ST

Ngày:29-9-2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liễu

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:51/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:43/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Công B, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt anh B, vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Công B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T sống chung với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2010. Sau khi sống chung khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh và chị T bất đồng quan điểm sống, chị T không quan tâm đến ý kiến của anh. Anh và chị T đều nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống và anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng khoảng 7 tháng nay. Anh nhận

thấy tình cảm vợ chồng của anh và chị T không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên là Lê Nguyễn Hữu P, sinh ngày 06/5/2011, hiện cháu đang sống chung với mẹ nên khi ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ chị Nguyễn Thị T nhiều lần nhưng chị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Lê Công B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T và đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Lê Công B được ly hôn với chị Nguyễn Thị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Công B tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công B và chị Nguyễn Thị T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2010, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh B cho rằng quá trình chung sống không hạnh phúc do anh, chị bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong việc sử dụng tiền bạc trong gia đình, chị T không quan tâm đến ý kiến của anh, mọi vấn đề trong gia đình anh chị đều có quan điểm trái ngược nhau. Anh và chị T đều nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột ở và anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng khoảng 7 tháng nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị T khi mới phát sinh không lớn nhưng anh, chị đã không có giải pháp giải quyết mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung nhiều tháng nay. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Công B.

[4] Về con chung: Anh Lê Công B và chị Nguyễn Thị T có một con chung tên là Lê Nguyễn Hữu P, sinh ngày 06/5/2011, khi ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy cháu P đang sống chung với chị T nên việc anh B đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cháu là phù hợp thực tế và phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh B, giao con chung Lê Nguyễn Hữu P cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Công B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Công B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công B được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Hữu P, sinh ngày 06/5/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Công B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Lê Công B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Công B phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh Lê Công B đã nộp theo biên lai thu số 18543 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh Lê Công B đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Lê Công B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã H, huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương